

THỰC TRẠNG CHUỖI LIÊN KẾT SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ DỨA TẠI HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

● NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC - TRẦN LỆ THỊ BÍCH HỒNG - TRẦN KHÁNH TRANG

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này tập trung phân tích chuỗi sản xuất và tiêu thụ dứa tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng của liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ dứa, đồng thời đề xuất các giải pháp để phát triển liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ dứa tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

Từ khóa: huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, chuỗi liên kết, sản xuất, chế biến, tiêu thụ, dứa.

1. Đặt vấn đề

Liên kết trong sản xuất nông nghiệp là hình thức hợp tác, liên kết trên cơ sở có hợp đồng ký kết giữa các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp trong các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp” được định nghĩa tại Khoản 6 điều 3, Nghị định số 55/2015/NĐ -CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xuất phát từ lợi thế cạnh tranh về kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, Michael Porter (1988) đề xuất thuật ngữ “chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ” lần đầu tiên vào năm 1985, trong

cuốn “Competitive Advantage” của mình. Trong khi đó, chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản được cấu thành dựa trên lý thuyết tổng quát về chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Mỗi chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản phát triển trong một ngữ cảnh kinh tế - xã hội và chính trị cụ thể, với các cơ chế riêng được xác định bởi Trienekens (2011). Tuy nhiên, chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản khác biệt so với chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ của các ngành khác, do 3 yếu tố chính: (1) sản xuất nông nghiệp thường mang tính biến động và rủi ro cao, do phụ thuộc vào quá trình sinh học; (2) các sản phẩm nông sản có đặc điểm khác nhau, ví dụ như nông sản tươi hoặc chưa qua chế biến dễ bị hư hỏng và có khối lượng/lượng lớn, do đó đòi hỏi các chuỗi khác

nhau cho các sản phẩm khác nhau; và (3) thái độ của xã hội và người tiêu dùng liên quan đến các vấn đề an toàn thực phẩm và môi trường.

Liên kết trong sản xuất nông nghiệp là cách để đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành, đồng thời tạo ra lợi ích công bằng cho tất cả các bên tham gia. Liên kết này có vai trò quan trọng trong tăng cường hiệu quả sản xuất, cũng như nâng cao vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước. Sự liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản là một hoạt động kinh tế cùng có lợi và mật thiết, dựa trên sự thỏa thuận giữa người sản xuất, người chế biến và người tiêu dùng. Đây là một phương tiện để tăng cường phối hợp giữa các khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản trong kết hợp với các hình thức tổ chức kinh doanh trong ngành Nông nghiệp, với mục tiêu đáp ứng các hoạt động nông nghiệp hiệu quả. Nghiên cứu về chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản đóng vai trò quan trọng trong việc hiểu và nâng cao hiệu quả của ngành Nông nghiệp. Nghiên cứu về chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản giúp xác định rõ vai trò của từng bước trong quá trình sản xuất và tiêu thụ. Đồng thời, giúp xác định các mắt xích trong chuỗi cung ứng, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành Nông nghiệp.

Mường Khương là một huyện vùng cao biên giới phía Bắc thuộc tỉnh Lào Cai, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nông nghiệp. Cây dứa là loại cây trồng chủ lực, được huyện Mường Khương định hướng phát triển thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Hiện tại, Huyện có 1.300 ha diện tích trồng cây dứa, chiếm 73% tổng diện tích của tỉnh. Tuy nhiên, sản xuất cây dứa đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, bao gồm sự không ổn định của thị trường tiêu thụ, việc lạm dụng hóa chất, thiếu chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, tăng cường liên kết giữa sản xuất, tiêu thụ và chế biến sản phẩm dứa là bước quan trọng để phát triển sản xuất dứa hiệu quả, cải thiện đời sống cho người trồng dứa, đồng thời tạo điều kiện cho doanh

nh nghiệp chế biến dứa phát triển bền vững. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung phân tích về thực trạng phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm dứa, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ dứa tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong lĩnh vực nghiên cứu kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản đã trở thành một chủ đề quan trọng và được quan tâm rộng rãi. Các nhà nghiên cứu, cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế và các trường đại học trên khắp thế giới đã tiến hành nhiều nghiên cứu để hiểu rõ hơn về cơ chế và ảnh hưởng của chuỗi liên kết này đối với phát triển nông nghiệp bền vững.

Các nghiên cứu về chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản tập trung vào việc phân tích và đánh giá quy trình, mối quan hệ và tương tác giữa các giai đoạn trong chuỗi sản xuất nông nghiệp. Điều này bao gồm việc tìm hiểu về quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, vai trò của các chủ thể trong chuỗi liên kết, cơ chế hình thành giá trị gia tăng, vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm, quản lý rủi ro và thị trường, cũng như tác động của chuỗi liên kết lên tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Các nghiên cứu về chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường sự hợp tác và liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi để đạt được hiệu quả kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng và đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp và chính sách hỗ trợ để thúc đẩy sự phát triển bền vững của chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Trong lĩnh vực nghiên cứu kinh tế nông nghiệp, Trần Đức Thịnh (1984) đã định nghĩa liên kết kinh tế (LKKT) như một hình thức tổ chức và cơ chế quản lý. Ông nhận thấy rằng, LKKT là cần thiết để mở rộng quá trình tái sản xuất và kết hợp các lực lượng kinh tế - xã hội. Ông đã nêu lợi ích

của LKKT và nguyên tắc cùng có lợi, đồng thời đề cập đến nhiều hình thức LKKT khác nhau. Tuy nhiên, ông cũng nhận thức LKKT là một quan hệ kinh tế và quản lý kinh tế nhà nước. Trong giai đoạn chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, những hạn chế này vẫn không thể tránh khỏi.

Nguyễn Văn Thành và cộng sự (2020) đã đánh giá được thực trạng hợp tác và liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ trên địa bàn xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tác giả đã chỉ ra rằng thực trạng liên kết giữa hộ sản xuất lúa hữu cơ chưa chặt chẽ, do phần lớn là thông qua liên kết miệng. Trong khi đó, liên kết giữa hộ sản xuất và doanh nghiệp khá chặt chẽ, do được thực hiện qua hợp đồng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp và sơ cấp thu thập được từ việc khảo sát trực tiếp các tác nhân trong chuỗi liên kết. Đối với tác nhân là hộ trồng dưa, 300 hộ đã được lựa chọn ngẫu nhiên từ tổng số 1.200 hộ trồng dưa trên địa bàn huyện Mường Khương. Trên địa bàn huyện có 1 hợp tác

xã (HTX) thu mua dưa của toàn huyện để bán cho các đầu mối chế biến tại các tỉnh và thành phố, vì vậy, đề tài đã lựa chọn HTX này để phỏng vấn đại diện cho tác nhân là người thu gom. Nghiên cứu cũng đã khảo sát 1 tác nhân là doanh nghiệp thu mua và chế biến tại chỗ và 2 đại diện chính quyền địa phương.

Nghiên cứu sử dụng thang đo likert gồm 5 mức độ để khảo sát mức độ hài lòng của các tác nhân.

4. Thực trạng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ dưa tại huyện Mường Khương

**Thực trạng liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp*

Hiện nay, diện tích dưa tại huyện Mường Khương chủ yếu tập trung tại xã Bản Lầu, với gần 1.200 ha, sản lượng trung bình hằng năm đạt từ 22 đến 25 nghìn tấn quả, đem về cho đồng bào dân tộc HMông, Dao ở vùng đất biên giới này hàng chục tỷ đồng, được coi là cây mũi nhọn giúp xóa đói giảm nghèo hiệu quả cho người dân địa phương.

Bảng 1 cho thấy, số hộ tham gia liên kết với doanh nghiệp có 33.67%, trong số này có 15.31%

Bảng 1. Nội dung liên kết theo hợp đồng giữa hộ nông dân và doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (hộ)	Cơ cấu (%)
I	Số hộ tham gia liên kết	98	100
II	Hình thức liên kết		
1	Không có thỏa thuận (thương lái)	65	66.33
2	Có thỏa thuận (Doanh nghiệp)	33	33.67
	2.1. Thỏa thuận bằng miệng	18	18.37
	2.2. Thỏa thuận bằng hợp đồng	15	15.31
III	Nội dung liên kết		
1	Cung ứng vật tư nông nghiệp	2	2.04
2	Tiêu thụ sản phẩm	72	73.47
3	Cung ứng tài chính	4	4.08
4	Vận chuyển	20	20.41

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, năm 2022

các hộ liên kết bằng văn bản. Số hộ liên kết với thương lái chiếm tỷ lệ cao. Các hộ sản xuất liên kết với doanh nghiệp chủ yếu để giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm. Kết quả điều tra khảo sát chỉ ra rằng có 65 hộ (chiếm 66.33%) không có thỏa thuận liên kết với bất kỳ doanh nghiệp hay thương lái nào và chỉ có 33 hộ (chiếm 15.31%) đã thiết lập thỏa thuận liên kết với doanh nghiệp. Thỏa thuận thường là thỏa thuận miệng nên các liên kết thường chỉ kéo dài theo từng mùa vụ và không có tính lâu dài. Về nội dung liên kết, có 71 hộ trên tổng số 98 hộ có tham gia liên kết về tiêu thụ sản phẩm (chiếm 73.5%), 20 hộ tham gia liên kết để vận chuyển sản phẩm (chiếm 20.41%), chỉ có 4 hộ có tham gia liên kết để cung ứng tài

thông qua các buổi tập huấn, đưa kỹ thuật viên đến từng hộ khảo sát và tư vấn, cũng như cung cấp những tài liệu đọc cần thiết cho người dân.

Để đảm bảo tính chặt chẽ trong quan hệ mua - bán và chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp sẽ khảo sát những yếu tố cấu thành sự liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp như hợp đồng chặt chẽ, số lượng thu mua lớn với mức giá thu mua ổn định... Nghiên cứu cho thấy lý do hợp đồng chặt chẽ chiếm 100% số hộ được khảo sát tham gia liên kết với doanh nghiệp cho rằng các điều khoản trong hợp đồng chặt chẽ và các bên làm theo các điều khoản sẽ cũng có lợi. Ngoài ra, các hộ còn được hỗ trợ vật tư sản xuất và tập huấn kỹ thuật canh tác. (Bảng 2)

Bảng 2. Lý do hộ nông dân tham gia liên kết với doanh nghiệp

STT	Nội dung	Số lượng (hộ)	Cơ cấu (%)
1	Có hợp đồng chặt chẽ	15	45,45
2	Giá thu mua ổn định	33	100
3	Được hỗ trợ vật tư phục vụ sản xuất	2	6.06
4	Được tập huấn kỹ thuật	18	54,55
5	Thuận lợi cho vận chuyển	15	45,45
6	Thanh toán nhanh	33	100

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, năm 2022

chính, 2 hộ tham gia liên kết để cung ứng vật tư nông nghiệp.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng 100% phương thức thanh toán của các hộ tham gia liên kết được trả luôn khi giao dịch và bằng tiền mặt. Trong hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp và các hộ sản xuất, chỉ có 15 vườn có giá cố định chiếm 45,5%. Tại các vườn còn lại, giá dưa tăng giảm theo chất lượng sản phẩm và cung - cầu thị trường. Tuy nhiên, doanh nghiệp sẽ cung cấp những vật tư cần thiết cho người dân để tái sản xuất, cũng như để đảm bảo chất lượng dưa theo yêu cầu của công ty. Doanh nghiệp sẽ hỗ trợ đào tạo kỹ thuật, tập huấn nâng cao kiến thức thâm canh dưa cho người dân

***Thực trạng liên kết giữa hộ nông dân và hợp tác xã**

Huyện đã thành lập được 38 tổ hợp tác sản xuất chuối, dưa, quýt, chè và chăn nuôi lợn đen, tập trung ở các xã Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai, Thanh Bình, Tả Ngải Chồ. Trong đó, các tổ hợp tác trồng chè ở Lùng Vai đã phát huy hiệu quả rõ nét, liên kết chặt chẽ các hộ nông dân và hướng đến sản xuất bền vững.

Mối quan hệ liên kết giữa nông dân và hợp tác xã được lồng ghép với mối quan hệ liên kết ngang giữa các hộ nông dân. Các hộ nông dân tham gia hợp tác xã kết nối lẫn nhau để trao đổi kinh nghiệm và trau dồi kỹ thuật. Một số hộ nông dân

Bảng 3. Liên kết giữa hộ sản xuất và hợp tác xã

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (hộ)	Cơ cấu (%)
I	Số hộ tham gia liên kết	65	100
II	Nội dung liên kết		
1	Tiêu thụ sản phẩm	60	92.31
2	Trao đổi kinh nghiệm kỹ thuật	65	100
3	Vận chuyển	14	21,54

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, năm 2022

chủ động kết nối với nhau và ký các giao kết cung cấp với số lượng lớn để tăng hiệu quả đàm phán với các đối tượng khác trong chuỗi cung ứng.

Bảng 3 mô tả số liệu về liên kết giữa các hộ nông dân; cụ thể, có tổng cộng 65 hộ nông dân tham gia liên kết. Trong đó, nội dung liên kết bao gồm tiêu thụ sản phẩm với 60 hộ nông dân tham gia (chiếm 92.31%), trao đổi kinh nghiệm kỹ thuật với tất cả các hộ nông dân tham gia (tương đương với 100%) và vận chuyển sản phẩm với 14 hộ nông dân (chiếm 21.54%).

5. Giải pháp thúc đẩy phát triển liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ dựa tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Nhằm tăng cường quan hệ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dựa nguyên liệu, cần thực hiện một số giải pháp quan trọng.

Thứ nhất, doanh nghiệp cần hợp tác chặt chẽ với chính quyền địa phương để nâng cao nhận thức của hộ nông dân về hợp đồng và trách nhiệm của họ. Điều này sẽ giúp giảm thiểu việc hộ nông dân vi phạm hợp đồng bán dựa cho thương nhân. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần hỗ trợ vật tư và điều chỉnh giá bán để đảm bảo lợi ích của hộ nông dân. Công ty cần đảm bảo tài chính và thanh toán kịp thời để tạo lòng tin và uy tín với hộ nông dân.

Thứ hai, cần thiết có sự phối hợp mạnh mẽ giữa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cơ quan địa phương để thực hiện và triển khai áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Mục tiêu của việc này là tăng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, duy trì diện tích sản xuất theo quy trình

tiêu chuẩn GlobalGAP và nghiên cứu mô hình sản xuất dựa Cayen đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang Mỹ và châu Âu. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ ba, để phát triển thị trường xuất khẩu cho sản phẩm dựa của Mường Khương, cần theo kịp các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và có hiệu lực như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA). Các cơ quan chức năng cần đề xuất các chương trình xúc tiến thương mại nhằm khai thác tiềm năng của thị trường xuất khẩu cho sản phẩm dựa của Mường Khương. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và tiếp thị sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Thứ tư, cải thiện hệ thống thông tin và hạ tầng giao thông là 2 yếu tố cần thiết trong chuỗi cung ứng dựa. Để tăng cường liên kết và hiệu quả của quá trình sản xuất và tiêu thụ, cần đầu tư vào việc phát triển hệ thống thông tin chính xác và hiệu quả. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng một hệ thống quản lý dữ liệu và thông tin, giúp các bên liên quan có thể truy cập thông tin về sản phẩm, giá cả và yêu cầu thị trường một cách dễ dàng và nhanh chóng. Ngoài ra, cần đầu tư vào hạ tầng giao thông để đảm bảo sự thông suốt trong việc vận chuyển dựa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Điều này có thể bao gồm nâng cấp đường giao thông, xây dựng cơ sở lưu trữ và bảo quản, cũng như tăng cường các dịch vụ vận tải để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển một cách nhanh chóng và an toàn.

6. Kết luận

Dừa là một sản phẩm nông nghiệp quan trọng ở huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Diện tích trồng dừa ở huyện là 1.547 ha (hiện còn khoảng 776 ha đang trong giai đoạn thu hoạch, với sản lượng gần 22.000 tấn). Tuy nhiên, việc sản xuất và tiêu thụ dừa Mường Khương còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế.

Để tăng cường liên kết giữa các hộ dân trồng dừa và doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần đưa

ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Đầu tiên, cần cung cấp hỗ trợ vật tư cho các hộ dân nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của việc trồng dừa. Đồng thời, điều chỉnh linh hoạt các điều khoản về giá mua dừa theo hợp đồng giao khoán là cần thiết để đảm bảo lợi ích của các hộ dân và khắc phục các khó khăn trong quá trình tiêu thụ. Ngoài ra, cần đảm bảo thanh toán đúng hạn và đầy đủ, giúp tạo niềm tin và sự ổn định trong quan hệ giữa các hộ dân và doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đỗ Thị Nga (2016). Cơ sở lý luận về liên kết hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ cà phê. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Tây Nguyên*. 17, 62-68.
2. Hải Lâm và Phúc Sơn (2021). Liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản. Báo Nhân dân. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/chuyen-lam-an/lien-ket-sanxuat-gan-voi-tieu-thu-nong-san>.
3. Hồ Quốc Hậu (2012). *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản và nông dân Việt Nam*. Nhà xuất bản Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
4. Hồ Thanh Thủy (2017). Vai trò của liên kết trong sản xuất nông nghiệp. *Tạp chí Giáo dục lý luận*, Số 269 + 270, 34-40.
5. Michael Porter (1988). Michael Porter on competitive strategy reflections and round table discussion.
6. Trần Hữu Cường (2009). Phát triển và liên kết thị trường nông sản: Cơ sở lý luận và thực tiễn tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*. 7(4), 515-526.
7. Trienekens (2011). Agricultural Value Chains in Developing Countries A Framework for Analysis. *International Food and Agribusiness Management Review*, 2011, 14(2), 32
8. Trần Đức Thịnh (1984). *Liên kết kinh tế trong nghề nuôi ong*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Viết Tuấn, Lê Văn Nam, Phan Thiện Phước, Nguyễn Thị Ái Vân, Lê Việt Linh, Mai Thu Giang (2020). Thực trạng hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ ở xã Thuỷ Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, 129, 43-55.

Ngày nhận bài: 5/3/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/4/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/4/2023

Thông tin tác giả:

1. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

2. TRẦN LÊ THỊ BÍCH HỒNG

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn,

Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên

3. TRẦN KHÁNH TRANG

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tỉnh Lào Cai

THE CURRENT LINKAGES AMONG THE PRODUCTION, PROCESSING AND CONSUMPTION OF PINEAPPLE IN MUONG KHUONG DISTRICT, LAO CAI PROVINCE

● NGUYEN THI BICH NGOC¹

● TRAN LE THI BICH HONG¹

● TRAN KHANH TRANG²

¹ Faculty of Economics and Rural Development,

Thai Nguyen University Of Agriculture and Forestry

²Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Department
of Lao Cai province

ABSTRACT:

This study analyzes the pineapple production and consumption chain in Muong Khuong district, Lao Cai province. The study aims to better understand the current linkages among the production, processing and consumption of pineapple. Based on the study's findings, some solutions are proposed to develop linkages among the production, processing and consumption of pineapple in Muong Khuong district, Lao Cai province in the coming time.

Keywords: Muong Khuong district, Lao Cai province, chain link, producing, processing, consuming, pineapple.